

- Công an thành phố B, tỉnh B Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Ngọc D
- Phó trưởng Công an thành phố B. có mặt

(Văn bản ủy quyền số: 360/CATP, ngày 24/4/2019)

- Công an tỉnh B: Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H chức vụ: Trưởng phòng tham mưu, Công an tỉnh B. có mặt

(Văn bản ủy quyền số: 1147/CAT-PV01, ngày 16/5/2019)

4. Người làm chứng:

- Bà Bùi Thị B ; Địa chỉ: Tổ 5, phường P, tp. B, tỉnh B. có mặt
- Chị Nguyễn Thị D; Địa chỉ: Tổ 12, phường P, tp. B, tỉnh B. vắng mặt
- Anh Lê Quốc Q; Địa chỉ: Tổ 6, phường P, tp. B, tỉnh B. Vắng mặt
- Bà Trương Thị T ; địa chỉ: Thôn N, xã N, tp. B, tỉnh B. Vắng mặt
- Chị Trương Thị L địa chỉ: Thôn N, Thôn, xã N, tp. B, tỉnh B. có mặt.
- Anh Bùi Trọng T Đơn vị công tác: Phòng Cảnh sát Cơ động Công an tỉnh B. có mặt
- Anh Phan Ngọc H ; Đơn vị công tác: Phòng Cảnh sát Cơ động Công an tỉnh B. có mặt
- Anh Nông Xuân Đ ; Đơn vị công tác: Phòng Cảnh sát Cơ động Công an tỉnh B. có mặt.
- Anh Trương Ngọc L- sinh năm 1984; trú tại: tổ 11A, Phường Đ, thành phố B, B. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện của ông Trần Văn D , các đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 26/02/2017, ông D điều khiển xe mô tô Wave alpha màu trắng, biển kiểm soát 20B1-498.35 thuộc sở hữu của ông D đến quán phở bà Thảo Sứ để ăn tối.

Khi ông D dừng xe để đi vào quán thì một nhóm người mặc quần áo trang phục của Cảnh sát cơ động đến gọi ông D lại và thông báo cho ông D biết chiếc xe mô tô biển kiểm soát 20B1-498.35 vi phạm giao thông và yêu cầu kiểm tra giấy tờ liên quan đến phương tiện, do ông D đi ăn tối không mang theo giấy tờ xe, ông D đã gọi nhờ người mang giấy tờ xe lên để kiểm tra, sau khi kiểm tra đầy đủ và trả lại giấy tờ cho ông D và nhóm người mặc trang phục cảnh sát cơ động có thông báo xe mô tô 20B1-498.35 do một cô gái điều khiển không đội mũ bảo hiểm, ông D không đồng ý.

Khoảng 30 phút sau, ông D thấy có thêm 10-12 người mặc trang phục của cảnh sát cơ động đến và yêu cầu tạm giữ xe mô tô 20B1-498.35, lúc đó ông D không đồng ý và dùng hai viên gạch chèn vào hai bánh xe với mục đích không cho tạm giữ tài sản

và ông D có yêu cầu trong trường hợp tạm giữ tài sản thì lập biên bản về việc tạm giữ tài sản của ông D.

Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 27/2/2017, ông Trần Công M là Phó trưởng phòng cảnh sát cơ động Công an tỉnh B đã chỉ đạo nhóm người mặc trang phục của cảnh sát cơ động không chế, bắt giữ ông D, túm tóc, bẻ tay, đánh vào bụng của ông D khóa tay ông D và đưa ông D lên xe ô tô đến trụ sở của Công an thành phố B, tỉnh B và mở khóa cho ông D để viết bản tường trình, thời gian từ lúc bắt giữ cho đến thời điểm mở khóa còng tay cho ông Trần Văn D khoảng 30 phút.

Trong quá trình bắt giữ có làm vỡ chiếc điện thoại của ông Trần Văn D là loại điện thoại SAMSUNG GLAXY A7, trị giá: 9.990.000 đ (*chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Ông Trần Văn D có khiếu nại về việc tạm giữ phương tiện xe mô tô BKS 20B1-498.35 và yêu cầu bồi thường chiếc điện thoại SAMSUNG GLAXY A7, trị giá: 9.990.000 đ, về hành vi bắt giữ người trái pháp luật của Phòng cảnh sát cơ động Công an tỉnh B.

Ngày 14/9/2017 Công an thành phố B ban hành công văn số: 279 với nội dung không chấp nhận các nội dung khiếu nại của ông Trần Văn D

Ngày 14/9/2017, công an thành phố B ra quyết định xử phạt hành chính số: 849/QĐ-XPHC, ngày 14/9/2017 của xử phạt ông Trần Văn D về hành vi dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực để chống người thi hành công vụ với số tiền: 4.000.0000 đ (*bốn triệu đồng*).

Ông Trần Văn D không đồng ý và có khiếu nại đối với quyết định xử phạt hành chính số: 849/QĐ-XPHC, ngày 14/9/2017 .

Ngày 09/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B ban hành công văn số: 304/CSĐT, ngày 09/10/2017 không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Trần Văn D

Ngày 10/11/2017, Công an thành phố B tiếp tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số: 1196/QĐ-CATP, ngày 10/11/2017 không chấp nhận khiếu nại của ông D giữ nguyên quyết định số: 849/QĐ-XPHC, ngày 14/9/2017.

Ông Trần Văn D tố cáo ông Trần Công M - Phó trưởng phòng cảnh sát cơ động bắt giữ người trái pháp luật, thu giữ xe mô tô mô tô BKS 20B1-498.35 trái pháp luật và hủy hoại tài sản và vu khống ông D đến Công an tỉnh B.

Ngày 26/01/2018 tại Thông báo số: 250/TB-CAT-PV24 của Công an tỉnh B về thông báo kết quả giải quyết tố cáo có nội dung ông Trần Văn D tố cáo không đúng.

Ngày 12/8/2018, Công an thành phố B ban hành quyết định số: 01/QĐ-HBXPVPHC về việc hủy bỏ toàn bộ quyết định số: 849/QĐ-XPVPHC, ngày

14/9/2017 do có vi phạm về thủ tục ban hành (*không lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định*).

Ngày 24/9/2018, Tòa án nhân dân tỉnh B nhận được đơn khởi kiện của ông Trần Văn D ngày 26/12/2018, ông D sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn tuyên bố hành vi bắt giữ người của Phòng cảnh sát cơ động - Công an tỉnh B là trái pháp luật.

Yêu cầu hủy bỏ quyết định tạm giữ phương tiện số:09/QĐ-TGTVPTG, ngày 26/02/2017 và quyết định gia hạn tạm giữ phương tiện số: 01/QĐ-GHTGPCC, ngày 05/3/2017 và các văn bản giải quyết khiếu nại.

Yêu cầu bồi thường do việc tạm giữ tài sản trái pháp luật với tổng số tiền: 21.600.000 đ (*hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Bồi thường thiệt hại chiếc điện thoại SAMSUNG GLAXY A7 trị giá: 9.990.000 đ (*chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*) do hành vi bắt giữ người gây ra.

Bồi thường thiệt hại về sức khỏe, danh dự do hành vi bắt người trái pháp luật kể từ ngày bắt giữ người trái pháp luật là ngày 27/02/2017 đến ngày Tòa án xét xử với mức bồi thường: 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*)/ngày.

2. Đại diện Trưởng phòng cảnh sát cơ động, Phòng cảnh sát cơ động Công an tỉnh B tại biên bản đối thoại ngày 25/4/2019 và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 26/2/2017, thực hiện nhiệm vụ tuần tra theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng cảnh sát cơ động, tổ tuần tra bao gồm các đồng chí Nông Xuân Đ , Bùi Trọng T , Phan Ngọc H, Nông Tiến D thực hiện nhiệm vụ đã được lãnh đơn đơn vị phê duyệt đến khu vực N phát hiện người phụ nữ điều khiển xe mô tô 20B1-498.35 vi phạm các quy định về an toàn giao thông không đội mũ bảo hiểm, tổ tuần tra đã ra hiệu lệnh yêu cầu dừng xe và kiểm tra giấy tờ xe, tuy nhiên người phụ nữ không xuất trình được giấy tờ xe và có gọi cho ông Trần Văn D đến giải quyết và sau đó người phụ nữ không rõ danh tính đã bỏ đi không hợp tác.

Do người phụ nữ điều khiển xe mô tô 20B1-498.35 đã tự ý bỏ đi nên tổ tuần tra tiến hành lập biên bản tạm giữ phương tiện và thu giữ xe về cơ quan để tiếp tục giải quyết tuy nhiên ông Trần Văn D đã không cho tổ công tác làm nhiệm vụ, có hành vi ngăn cản việc tạm giữ chiếc xe mô tô 20B1-498.35 với lý do là xe của ông D, tổ công tác yêu cầu ông D xuất trình giấy tờ xe để chứng minh xe của d thì D chỉ xuất trình giấy tờ đăng ký xe nhưng đứng tên người khác.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, tổ công tác đã tuyên truyền, giải thích đúng các trình tự, quy định pháp luật tuy nhiên khi thực hiện việc tạm giữ xe, ông d tục cản trở, chống đối, lực lượng cảnh sát cơ động đã khống chế đưa ông Dương về trụ sở Công an thành phố B để tiếp tục giải quyết.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ có lập biên bản tạm giữ xe và có mời người chứng kiến ký vào biên bản và có quyết định tạm giữ phương tiện số:09/QĐ-TGTVPTGPCC, ngày 26/2/2017 và Quyết định số: 01/QĐ-GHTHTGTVPTGPCC, ngày 05/3/2017 của Trưởng phòng cảnh sát cơ động công an tỉnh B

Việc tạm giữ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 20B1-498.35 từ ngày 27/2/2017 đến ngày 12/5/2017 là đúng quy định pháp luật, vì cần xác minh chủ sở hữu vì sau khi tạm giữ, người phụ nữ vi phạm giao thông không đến cơ quan chức năng để giải quyết vi phạm giao thông và không cung cấp giấy tờ chứng minh quyền sở hữu đối với xe mô tô biển kiểm soát 20B1-498.35.

Với các yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D phía người bị kiện không nhất trí.

3. Đại diện Công an thành phố B tại biên bản đối thoại ngày 25/4/2019 và tại phiên tòa trình bày: Ngày 17/3/2017 Cơ quan CSĐT Công an thành phố B tiếp nhận hồ sơ vụ việc để xác minh, giải quyết theo thẩm quyền trong đó xem xét hành vi chống người thi hành công vụ của ông Trần Văn D và đã có quyết định không khởi tố vụ án số: 40, ngày 25/8/2017 và sau đó Công an thành phố B đã ban hành quyết định xử phạt hành chính số: 849/QĐ-XPVPHC, ngày 14/9/2017, trong quá trình giải quyết vụ việc thấy có thiếu về thủ tục lập biên bản hành chính theo quy định. Do vậy Công an thành phố B đã ban hành quyết định số: 01/QĐ-HBXPVPHC, ngày 12/8/2018 với nội dung Hủy bỏ quyết định số: 849/QĐ-XPVPHC, ngày 14/9/2017.

Đối với việc phương tiện vi phạm xe mô tô 20B1-498.35, do trong quá trình giải quyết người phụ nữ vi phạm giao thông tới ngày 26/2/2017 không đến làm việc với cơ quan chức năng và không cung cấp các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với xe mô tô, BKS 20B1-498.35, do cần xác minh chủ sở hữu theo quy định, Công an thành phố B tiếp tục tạm giữ chiếc xe mô tô trên và tiến hành các thủ tục xác minh.

Đến ngày 12/5/2017, sau khi xác định ông Trần Văn D - sinh năm 1963 trú tại: tổ 12, phường p , thành phố B là chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe 20B1-498.35, ông Dương có đơn đề nghị nhận lại tài sản, xét thấy việc trả lại tài sản không ảnh hưởng đến quá trình xác minh, giải quyết vụ việc, Cơ quan CSĐT công an thành phố B đã trả chiếc xe trên cho ông Trần Văn D.

Việc trả chiếc xe cho ông Dương trên theo quan điểm của Công an thành phố B khi chưa thu thập được tài liệu chứng minh chủ sở hữu là chưa chặt chẽ, Công an tỉnh B đã có rút kinh nghiệm về vấn đề này.

Vì vậy quan điểm của Công an thành phố B cho rằng những yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D không có căn cứ.

4. Đại diện Công an tỉnh B tại phiên tòa trình bày: không nhất trí với yêu cầu bồi thường của ông Trần Văn D, đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo đúng quy định pháp luật.

5. Lời khai của người làm chứng:

5.1. Lời khai của anh Lê Quốc Q tại biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2017 trình bày: anh Q ngồi uống nước tại quán vỉ hè tại quán Thúy Toàn đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày 26/2/2017 có thấy một người phụ nữ điều khiển xe Wave s màu trắng, không đội mũ bảo hiểm đi theo hướng Cao Bằng - Hà Nội đã bị tổ tuần tra kiểm soát của Phòng cảnh sát cơ động công an tỉnh B ra hiệu lệnh dừng kiểm tra, sau đó người phụ nữ có gọi điện thoại và khoảng 05 phút sau có người đàn ông đến, cùng lúc đó người phụ nữ điều khiển xe mô tô bỏ đi, một lúc sau có người phụ nữ khác đến xuất trình giấy tờ xe cho tổ tuần tra, do người phụ nữ điều khiển xe đã bỏ đi, không xuất trình giấy tờ, tổ công tác đã lập biên bản vi phạm hành chính và tạm giữ tang vật nhưng người đàn ông không cho mang xe đi và chống đối, thách thức lực lượng cảnh sát cơ động, cầm gạch dọa lực lượng cơ động.

Sau đó lực lượng cảnh sát cơ động đã tăng cường lực lượng và tiến hành cưỡng chế tạm giữ xe mô tô màu trắng và không chế khóa tay người đàn ông đưa về trụ sở Công an.

5.2. Lời khai của bà Trương Thị T ngày 01/3/2017 và lời khai ngày 27/3/2017 trình bày: khoảng hơn 21 giờ, bà T đang ngồi tại quán nhìn ra ngoài đường thì thấy một người phụ nữ điều khiển xe mô tô không đội mũ bảo hiểm, sau đó lực lượng cảnh sát dừng xe để kiểm tra nhưng người phụ nữ không xuất trình được giấy tờ và sau đó người phụ nữ này gọi điện thoại cho một ai đó không rõ tên, khoảng 05 phút sau người đàn ông tên D giới thiệu là bố của người phụ nữ đến đứng ra nhận nhiệm vụ giải quyết, sau đó người đàn ông đó to tiếng và không cho lực lượng làm nhiệm vụ tạm giữ chiếc xe vi phạm.

Trước lúc xảy ra sự việc người đàn ông tên D này không ăn đêm tại quán của bà T mà khi nghe người phụ nữ điều khiển xe vi phạm gọi điện thoại mới đến, sau đó người phụ nữ điều khiển xe vi phạm tự ý bỏ đi, còn người đàn ông đứng ra nhận trách nhiệm và nhận là xe của mình nhưng thực chất không phải là đang ăn đêm tại quán của tôi.

Trước thời điểm Cảnh sát cơ động chưa dừng xe vi phạm thì không có ông D và vợ của ông D ăn ở quán tôi, sau khi sự việc xảy ra được khoảng 10 phút sau lúc đang giảng cơ giữa lực lượng cơ động và ông D lúc đó vợ của ông D mới vào quán và gọi phở ăn.

5.3. Anh Bùi Trọng T tại biên bản lấy lời khai ngày 14/5/2017 và tại phiên tòa trình bày: anh T được phân công tuần tra bao gồm đồng chí Phan Ngọc H cùng đi xe mô tô tuần tra kiểm soát, đi trước là đồng chí Nông Xuân Đ và Nông Tiến D và trực tiếp phát hiện 01 người phụ nữ điều khiển xe Wave màu trắng không đội mũ bảo hiểm, khi phát hiện đồng chí D đã thổi còi ra hiệu lệnh dừng xe để kiểm tra giấy tờ, nhưng người phụ nữ đó không xuất trình được giấy tờ gì, do vậy lực lượng tuần tra đã

lập biên bản vi phạm, biên bản tạm giữ phương tiện. Trong quá trình đó thì người phụ nữ có gọi điện và khoảng 05 phút sau thì người đàn ông tên D đến nhận là bố của người phụ nữ, lúc này người phụ nữ bỏ đi, lực lượng cảnh sát cơ động đã yêu cầu người phụ nữ ở lại để hoàn chỉnh biên bản nhưng người phụ nữ vẫn bỏ đi, lực lượng cơ động đã gọi công an xã N đến để chứng kiến sự việc và tạm giữ xe, ông D đã không cho tạm giữ xe và gọi người phụ nữ nhận là hàng xóm của ông Dương mang giấy tờ xe đến và đưa cho lực lượng tuần tra.

Quá trình kiểm tra không thấy đúng tên chủ xe nên chúng tôi trả lại giấy đăng ký cho người phụ nữ, D tự nhận là xe của D, do ông D điều khiển đến để ăn đêm không cho lực lượng tuần tra tạm giữ xe và tự ý dắt xe lên vỉa hè trước cửa quán ăn đêm của quán bà t

Do ông D tiếp tục đe dọa và ngăn cản việc tạm giữ xe nên lực lượng tuần tra đã không chế khóa tay ông D về Công an thành phố B để giải quyết.

5.3. Anh Phan Ngọc H biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2017 và tại phiên tòa trình bày: ngày 26/2/2017 tôi được lãnh đạo phân công với tổ tuần tra kiểm soát, khoảng 21 giờ 30 phút khi tổ tuần tra kiểm soát đang trên đường làm nhiệm vụ thì phát hiện một người phụ nữ đầu không đội mũ bảo hiểm đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 20B1-498.35 trên đoạn đường Km 4, quốc lộ 3 hướng về Thái Nguyên thuộc thôn N.

Tổ tuần tra ra hiệu lệnh yêu cầu người phụ nữ trên dừng xe, xuất trình giấy tờ thì người phụ nữ cũng dừng xe lại nhưng không xuất trình được giấy tờ, sau đó người phụ nữ gọi điện cho một ai đó khoảng 05 phút sau thì ông Trần Văn D đi đến trình bày với tổ tuần tra là bố của người phụ nữ nêu trên và chiếc xe mô tô 20B1-498.35 là của D, sau đó D bảo người phụ nữ đi về để D ở lại xử lý, tổ tuần tra yêu cầu người phụ nữ ở lại để tiếp tục làm việc nhưng người phụ nữ đã tự ý bỏ đi.

Tổ tuần tra yêu cầu ông D xuất trình giấy tờ để chứng minh xe 20B1-498.35 của D nhưng ông D không xuất trình được loại giấy tờ gì, sau đó D gọi điện thoại cho một ai đó và khoảng 10 phút sau thì chị Trương Thị Loan Anh đi đến và xuất trình cho tổ công tác bao gồm giấy tờ đăng ký xe mô tô 20B1-498.35 nhưng người đứng tên đăng ký không phải là Trần Văn D mà là người phụ nữ và ông D có giải thích xe mô tô mua lại, tuy nhiên ông D cũng không có giấy tờ chứng minh.

Do người phụ nữ điều khiển xe mô tô BKS 20B1-489.35 đã tự ý bỏ đi, nên tổ công tác đã tiến hành lập biên bản mời người chứng kiến.

Khi tiến hành tạm giữ phương tiện thì ông D cản trở, tự ý dắt xe lên vỉa hè và cầm hai viên gạch và có lời nói đe dọa tổ công tác.

Tổ công tác đã tăng cường lực lượng và tiến hành không chế ông D về trụ sở Công an thành phố B và tạm giữ chiếc xe mô tô BKS 20B1-498.35

5.5. Anh Nông Xuân Đ tại biên bản lấy lời khai ngày 16/5/2017 và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 26/2/2017 tôi được lãnh đạo phân công với tổ tuần tra kiểm soát, khoảng 21 giờ 30 phút khi tổ tuần tra kiểm soát đang trên đường làm nhiệm vụ thì phát hiện một người phụ nữ đầu không đội mũ bảo hiểm đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 20B1-498.35 Bắc Kạn - Thái Nguyên, tổ tuần tra đã bám theo đến cửa quán ăn đêm Thảo Sứ thuộc thôn N, xã N, thành phố B.

Tổ tuần tra ra hiệu lệnh yêu cầu người phụ nữ trên dừng xe, xuất trình giấy tờ thì người phụ nữ cũng dừng xe lại nhưng không xuất trình được giấy tờ và tổ tuần tra có giải thích do không có giấy tờ xe nên sẽ tạm giữ phương tiện vi phạm, sau đó người phụ nữ gọi điện cho một ai đó khoảng 05 phút sau thì ông Trần Văn D đi đến trình bày với tổ tuần tra là bố của người phụ nữ nêu trên và chiếc xe mô tô 20B1-498.35 là của Dương, sau đó Dương bảo người phụ nữ đi về để D ở lại xử lý, tổ tuần tra yêu cầu người phụ nữ ở lại để tiếp tục làm việc nhưng người phụ nữ đã tự ý bỏ đi.

Tổ tuần tra đã giải thích và yêu cầu ông D xuất trình giấy tờ để chứng minh xe 20B1-498.35 của D nhưng ông D không xuất trình được loại giấy tờ gì, Sau đó thì chị Trương Thị Loan A đi đến cung cấp đăng ký xe phù hợp với biển số xe.

Tôi có giải thích cho Ông D do người vi phạm không có giấy phép lái xe theo quy định phải tạm giữ xe và chị Anh đã lấy lại đăng ký xe máy, lúc này ông D đã tỏ thái độ không hợp tác, chạy vào trước cửa quán T tay cầm gạch và nói "thằng nào giữ xe tao đập chết".

Chúng tôi đã giải thích rất nhiều lần nhưng ông D không hợp tác, không cho giữ xe, ông D dắt xe lên vỉa hè, Ông D và chị Trương Thị Loan A đã ngồi lên xe vi phạm và nói "thằng nào lấy xe đi tao đập chết", trước tình hình sự việc căng thẳng tôi đã trực tiếp gọi điện báo cho lãnh đạo trực là đồng chí Trần Công M để xin ý kiến chỉ đạo, khoảng 10 phút sau thì đồng chí M cùng 10 đồng chí cùng đơn vị đi đến để tăng cường, đồng chí M cũng đã trực tiếp giải thích với ông D nhưng ông D không nghe vẫn ngồi trên xe, tay cầm hai viên gạch, ông Minh có chỉ đạo tôi gọi 113 rồi, tiếp đó Công an thành phố B cũng đến nơi xảy ra sự việc, sau khi giải thích ông D không hợp tác và có lời nói xúc phạm đến lực lượng, tổ tuần tra đã lập biên bản sự việc có sự chứng kiến của chính quyền địa phương đồng thời hoàn chỉnh thủ tục giữ xe mô tô, sau khi biên bản hoàn tất chúng tôi có giải thích, đọc toàn bộ các loại biên bản cho ông D và mọi người cùng nghe, ông D vẫn không hợp tác và bật chìa khóa nổ xe máy vi phạm đi được khoảng 10 m thì lực lượng cảnh sát cơ động có chặn lại và đưa xe quay về vị trí ban đầu, lực lượng cảnh sát cơ động đã giải thích nhưng ông D tiếp tục không nghe, khi cho xe vi phạm lên thùng xe thì ông D lao vào giằng xe không cho tổ công tác tạm giữ, thấy vậy đồng chí M đã chỉ đạo khóa tay ông D để đưa về Công an thành phố B để làm việc.

Do người phụ nữ điều khiển xe mô tô BKS 20B1-489.35 đã tự ý bỏ đi, nên tổ công tác đã tiến hành lập biên bản mời người chứng kiến.

Khi tiến hành tạm giữ phương tiện thì ông D cản trở, tự ý dắt xe lên vỉa hè và cầm hai viên gạch và có lời nói đe dọa tổ công tác.

Tổ công tác đã tăng cường lực lượng và tiến hành không chế ông D về trụ sở Công an thành phố B và tạm giữ chiếc xe mô tô BKS 20B1-498.35

5.6. Lời khai của chị Trương Thị Loan A tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2019 và tại phiên tòa: khoảng 9 giờ tối ngày 26/2/2017, anh Dương đến quán của chị A mời đi ăn tối, anh D điều khiển xe Wave trắng, BKS 20B1-498.35 đi trước, chị A điều khiển xe khác chuẩn bị đi thì anh D gọi chị A mang giấy tờ xe của anh D mang đến để kiểm tra, khi mang giấy tờ lên bao gồm 01 đăng ký xe máy không biết đúng tên của ai vì là xe của anh D mua lại.

Sau khi chị A mang giấy tờ đến cảnh sát cơ động xem xong trả lại giấy tờ xe cho ông D, anh D điều khiển xe đi thì đội cảnh sát cơ động kéo xe lại và gọi thêm cảnh sát 113 và công an thành phố đến, sau đó đội cơ động đề nghị đưa xe của anh D lên thùng, tôi và anh Dương giữ xe lại hai bên giằng co xô xát khoảng 30 phút sau thì ông Nguyễn Công M ra lệnh giữ người đưa xe lên thùng xe, lực lượng chức năng không chế, giữ anh Dương và đưa phương tiện lên thùng xe và đưa cả người và xe về Công an thành phố để làm việc.

Trong quá trình bắt giữ thì anh D có bị rơi chiếc điện thoại SAMSUNG, chị Anh không biết là loại gì, anh Trương Ngọc L là người nhặt được, chị A không nhìn thấy ai cầm điện thoại hay đập điện thoại nhưng khi lên trụ sở Công an thành phố thì chiếc điện thoại đã bị hỏng.

Khi chị A mang giấy tờ lên cho anh D chỉ có đăng ký xe máy.

5.7. Lời khai của chị Nguyễn Thị D tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2019: tôi không được chứng kiến và không biết sự việc diễn ra vào đêm 26/2/2019, tôi chỉ biết ông D có gửi ở tại phòng tôi một chiếc xe Wave màu trắng tôi không biết biển kiểm soát, vào khoảng 8 giờ đêm ngày 26/2/2017, ông D sang phòng tôi lấy xe và rủ tôi đi ăn tối, tuy nhiên tôi không đi vì tôi vừa mới ăn tối xong, sau đó ông D lấy xe đi.

5.8 . Chị Bùi Thị B tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2019 và tại phiên tòa trình bày:

Chị B không được chứng kiến sự việc vào tối ngày 26/2/2017 giữa anh Trần Văn D và lực lượng cảnh sát cơ động, khi chị B đang ngồi chơi tại quán của chị Loan Anh thì nghe thấy anh Trần Văn Dương đi xe mô tô Wave an pha màu trắng rủ chị A đi ăn tối, anh Dương đi trước và một lúc sau chị Loan A cũng đi, thời gian khoảng 20 giờ 21 giờ cùng ngày.

5.9. Lời khai của anh Trương Ngọc L tại biên bản làm việc ngày 14/9/2017: Anh Trương Ngọc L thuộc trường hợp điếc, câm nhưng viết được: không nhìn thấy anh Droi điện thoại vào tối 26/2/2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đề nghị:

Về việc chấp hành pháp luật trong việc thụ lý giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ và các trình tự diễn biến tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng quy định pháp luật.

Đương sự trong vụ án đã chấp hành việc cung cấp chứng cứ và có mặt tại phiên tòa cũng như các buổi làm việc của Tòa án theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Về yêu cầu tuyên bố, xác định hành vi bắt giữ người của Trường phòng cảnh sát cơ động và Phòng cảnh sát cơ động Công an tỉnh B là trái pháp luật: Ông Trần Văn D có đơn gửi cơ quan CSĐT công an thành phố B đề nghị xem xét đối với hành vi bắt giữ người nhưng cơ quan CSĐT công an thành phố B chưa thụ lý tố giác tin báo về tội phạm theo quy định tại Điều 144, Điều 145 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Mặt khác ông D không bị tạm giữ theo thủ tục hành chính, ông D bị tạm giữ khi có hành vi chống người thi hành công vụ và có dấu **hiệu vi phạm** pháp luật hình sự. Do đó hành vi bắt giữ người thuộc về hoạt động tố tụng hình sự nên được xem xét xử lý theo Bộ luật tố tụng hình sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết theo Luật tố tụng hành chính.

Đề nghị căn cứ Điều 193 của Bộ luật tố tụng hành chính: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi bắt giữ người của Trường phòng cảnh sát cơ động và Phòng cảnh sát cơ động Công an tỉnh B trái pháp luật và đình chỉ yêu cầu bồi thường về danh dự, nhân phẩm, sức khỏe và đề nghị xem xét xử lý những hành vi vi phạm pháp luật vi phạm gây nên: do không thuộc thẩm quyền

Không chấp nhận yêu cầu bồi thường đối với chiếc điện thoại Samsung Glaxy A7 trị giá: 9.990.000 đ (chín triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D về việc hủy quyết định tạm giữ phương tiện vi phạm, quyết định gia hạn tạm giữ phương tiện và các văn bản liên quan.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D về yêu cầu bồi thường thiệt hại do tạm giữ phương tiện vi phạm với số tiền: 21.600.000 đ (*hai mươi mốt triệu sáu trăm nghìn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của ông Trần Văn D gồm hai nội dung:

[1.1] Về yêu cầu hủy quyết định tạm giữ tang vật và yêu cầu bồi thường thiệt hại do việc tạm giữ phương tiện, tang vật gây ra: Ngày 26/02/2017 Trưởng phòng cảnh sát cơ động công an tỉnh B ban hành quyết định số 09/QĐ-TGTVPTGPCC về việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, ngày 05/3/2017 Trưởng phòng cảnh sát cơ động ban hành quyết định số 01/QĐ-GHTHTGTVPTGPCC về việc gia hạn thời hạn tạm giữ tang vật phương tiện vi phạm hành chính đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Wave màu sơn trắng, BKS 20B1- 498.35, ông Trần Văn D không đồng ý với hai quyết định trên nên đã làm đơn khiếu nại. Ngày 09/10/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B có văn bản giải quyết khiếu nại, ngày 26/01/2018 công an tỉnh B ban hành thông báo số 250/TB-CAT-PV24 giải quyết khiếu nại của ông Trần Văn D . Ngày 24/9/2018 ông Trần Văn D có đơn khởi kiện đối với các quyết định nêu trên tại Tòa án nhân dân tỉnh B. Tòa án nhân dân tỉnh B thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp các quy định tại các Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[1.2] Về yêu cầu tuyên bố hành vi bắt người của Phòng cảnh sát cơ động công an tỉnh B là trái pháp luật và yêu cầu bồi thường thiệt hại về danh dự nhân phẩm, uy tín và thiệt hại về tài sản là chiếc điện thoại samsung Galaxy A7 do hành vi bắt người trái pháp luật gây ra: Ngày 26/02/2017 Phòng cảnh sát cơ động công an tỉnh B đang thực hiện nhiệm vụ là yêu cầu tạm giữ đưa phương tiện vi phạm giao thông về trụ sở công an thì ông Trần Văn D có dấu hiệu chống người thi hành công vụ, Phòng cảnh sát cơ động đã khống chế và đưa ông Trần Văn D về trụ sở Công an thành phố B để làm việc, ông Trần Văn D cho rằng hành vi khống chế của Phòng cảnh sát cơ động là bắt người trái pháp luật, ông Trần Văn D đã có đơn tố giác tội phạm tại công an thành phố B, sau đó ông Trần Văn D rút đơn tố giác tội phạm. Ông Trần Văn D ỏ cáo hành vi của Phòng Cảnh sát cơ động tới công an tỉnh B. Ngày 26/01/2018 Giám đốc công an tỉnh B đã ban hành văn bản về việc giải quyết tố cáo đối với yêu cầu tố cáo của ông Trần Văn D. Không đồng ý với kết luận tố cáo ngày 24/9/2018 ông Trần Văn D có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh B yêu cầu tuyên bố hành vi bắt giữ người của phòng Cảnh sát cơ động công an tỉnh B là trái pháp luật, yêu cầu bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín và bồi thường thiệt hại về tài sản là chiếc điện thoại samsung Galaxy A7 do hành vi bắt người trái pháp luật gây ra. Hội đồng xét xử xét thấy: Điều 14 Nghị định số: 208/NĐ-CP, ngày 17/12/2013 quy định về các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý hành vi chống người thi hành công vụ thì việc khống chế ông Trần Văn D là biện pháp ngăn chặn bắt giữ người có hành vi chống người thi hành công vụ thuộc về hoạt động tố tụng hình sự, do vậy không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Đối với yêu cầu tuyên bố hành vi bắt giữ người của Phòng Cảnh sát cơ động công an tỉnh Bắc Kạn thuộc về lĩnh vực tố cáo. Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của ông Trần Văn D về nội dung này.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 30, khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính:

Quyết định số: 09/QĐ-TGTVPTGPCC, ngày 26 tháng 02 năm 2017 và Quyết định số: 01/QĐ - GHTHTGTVPTGPCC, gia hạn thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và các công văn số: 279/CSĐT, ngày 14/9/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B; công văn số: 304/CSĐT, ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B đều là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính.

[2.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Khoản 3 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: “*Người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Chương II Phần thứ hai của Luật này thì có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính*”

Khoản 4 Điều 39 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: “... *Trưởng phòng Cảnh sát bảo vệ và cơ động, ... có quyền:*

...

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

...”

Đối chiếu với quy định nêu trên Hội đồng xét xử thấy: Quyết định số 09/QĐ-TGTVPTCCCC, ngày 26/02/2017 và Quyết định số: 01/QĐ-GHTHTGTVPTCPCC, ngày 05/3/2017 của trưởng phòng cảnh sát cơ động công an tỉnh B được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định.

[2.2] Về trình tự thủ tục ban hành quyết định và hình thức của quyết định:

Ngày 26/02/2017 thực hiện kế hoạch tuần tra kiểm soát xử lý vi phạm hành chính và lịch tuần tra kiểm soát đảm bảo AN, TTATXH Phòng Cảnh sát cơ động công an tỉnh B thành lập đội tuần tra kiểm soát để thực hiện nhiệm vụ. Trong khi tuần tra kiểm soát, đội tuần tra phát hiện có một người phụ nữ không đội mũ bảo hiểm điều khiển xe mô tô BKS 20B1 – 498.35, loại xe Wave màu sơn trắng đang lưu thông trên đường khu vực N xã N, thành phố B. Đội cơ động đã ra hiệu lệnh yêu cầu người phụ nữ trên dừng xe để kiểm tra hành chính. Khi dừng xe người phụ nữ không xuất trình giấy tờ mà tự ý dời khỏi hiện trường và gọi điện cho một người đàn ông xuất hiện. Sau đó ông Trần Văn D xuất hiện và nhận chiếc xe mô tô trên là của ông Trần Văn D, ông D xuất trình đăng ký xe mang tên một người khác và một giấy mua bán

xe. Do không đủ căn cứ khẳng định chủ sở hữu phương tiện và để đảm bảo xử phạt vi phạm hành chính, Phòng cảnh sát cơ động công an tỉnh B đã lập biên bản vi phạm hành chính số: 12/BB-VPHC, ngày 26/02/2016 và lập biên bản tạm giữ phương tiện vi phạm số: 09/BB-TGTVPTGPCC về việc tạm giữ đối với chiếc xe mô tô BKS 20B1-498.35.

Sau khi lập biên bản đội cảnh sát cơ động đã thông qua biên bản và tiến hành tạm giữ phương tiện đưa phương tiện về trụ sở công an.

Cùng thời điểm thì trưởng phòng cảnh sát cơ động công an tỉnh Ban hành quyết định tạm giữ tang vật số 09/QĐ-TGTVPTGPCC. Do không đủ căn cứ khẳng định ông Trần Văn DưD là chủ sở hữu chiếc xe mô tô BKS 20B1- 498.35 nên Ngày 05/3/2017 Trưởng phòng cảnh sát cơ động công an tỉnh B ban hành quyết định số 01/QĐ-GHTGTVPTGPCC gia hạn thời hạn tạm giữ phương tiện, tang vật vi phạm hành chính.

Do chưa xác định được người phụ nữ điều khiển chiếc xe mô tô BKS 20B1 – 498.35 và chưa xác định được tính pháp lý của giấy mua bán xe do ông Trần Văn D xuất trình. Ngày 17/3/2017, cơ quan CSĐT Công an thành phố Biếp n n vụ việc đề tiến hành xác minh xử lý vi phạm giao thông và tiến hành các hoạt động yêu cầu Phòng truy nã tội phạm của Công an tỉnh B và Công an tỉnh T xác minh xe mô tô BKS 20B1-498.35 có phải là vật chứng trong vụ án nào không?

Sau khi xác minh, ngày 12/5/2017 Công an thành B trả lại tài sản cho ông Trần Văn D.

Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định:

“...Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm không có giấy tờ nói trên, thì người có thẩm quyền xử phạt có thể tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính...”

Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính phải có quyết định bằng văn bản kèm theo biên bản tạm giữ và phải giao cho người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm 01 bản.

Thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề là 07 ngày, kể từ ngày tạm giữ. Thời hạn tạm giữ có thể được kéo dài đối với những vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp, cần tiến hành xác minh nhưng tối đa không quá 30 ngày, kể từ ngày tạm giữ tang vật, giấy phép, chứng chỉ hành nghề.

Đối với vụ việc thuộc trường hợp quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 66 của Luật này mà cần có thêm thời gian để xác minh thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn việc tạm giữ; việc gia hạn phải bằng văn bản, thời hạn gia hạn không được quá 30 ngày

Mọi trường hợp tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề phải được lập thành biên bản. Trong biên bản phải ghi rõ tên, số lượng, chủng loại, tình trạng của tang vật, phương tiện bị tạm giữ và phải có chữ ký của người ra quyết định tạm giữ, người vi phạm; trường hợp không xác định được người vi phạm, người vi phạm vắng mặt hoặc không ký thì phải có chữ ký của 02 người làm chứng. Biên bản phải được lập thành 02 bản, người có thẩm quyền tạm giữ giữ 01 bản, người vi phạm giữ 01 bản... ”.

Đối chiếu với quy định nêu trên Hội đồng xét xử thấy về trình tự thủ tục ban hành quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện số 09/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 26/02/2017 và Quyết định gia hạn thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm số 01/QĐ-GHTGTVPTCCGP ngày 05/03/2017 của Trưởng phòng cảnh sát cơ động công an tỉnh B là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về nội dung của quyết định:

- *Căn cứ pháp lý:* Quyết định tạm giữ tang vật số 09/QĐ-TGTVPTGPCC căn cứ vào Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính, căn cứ vào văn bản giao quyền số 91 ngày 01/01/2017 là đúng quy định. Quyết định gia hạn thời hạn tạm giữ tang vật vi phạm hành chính số 01/QĐ-GHTGTVPTGPCC căn cứ vào Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính, căn cứ vào văn bản giao quyền số 91 ngày 01/01/2017 và căn cứ vào Quyết định tạm giữ tang vật số 09/QĐ-TGTVPTGPCC là đúng quy định.

- *Về nội dung của quyết định:* Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa hội đồng xét xử xét thấy:

Việc tuân tra kiểm soát của Phòng cảnh sát cơ động công an tỉnh B là kế hoạch tuân tra kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính, việc tuân tra đúng theo lịch tuân tra kiểm soát đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Ông Trần Văn D cho rằng: Trong tối ngày 26/02/2017, ông D đi ăn đêm tại quán phở Thảo Sứ thuộc thôn N, xã N thành phố B, không vi phạm các quy định về an toàn giao thông, tuy nhiên ông D không có căn cứ chứng minh về lời trình bày của mình là có căn cứ.

Quá trình giải quyết tổ công tác trực tiếp làm nhiệm vụ tuân tra Kiểm soát gồm có các đồng chí Bùi Trọng T , Phan Ngọc H , Nông Xuân Đ trình bày : tối ngày 26/02/2017, thực hiện nhiệm vụ tuân tra, tổ tuần tra bao gồm 04 đồng chí làm nhiệm vụ do đồng chí Nông Xuân Đ - cán bộ PK 20 làm tổ trưởng khi tuần tra đến khu vực thôn N phát hiện một người phụ nữ điều khiển xe mô tô BKS 20B1-498.35 không đội mũ bảo hiểm, tổ công tác đã ra hiệu lệnh dừng xe, qua kiểm tra người phụ nữ không xuất trình được giấy tờ, người phụ nữ dùng điện thoại di động gọi cho ai đó, sau đó khoảng 05 phút thì ông Trần Văn D đi xe SUZUKI VIVA đến nhận cô gái đó là con của ông D và đứng ra giải quyết, ngay lúc đó người phụ nữ vi phạm bỏ đi mà không báo với tổ công tác.

Bà Trương Thị T và anh Lê Quốc Q đều trình bày: Tối ngày 26/02/2017, bà T và anh Q được chứng kiến sự việc, khoảng 21 giờ 30 phút có một cô gái không đội mũ bảo hiểm điều khiển xe màu trắng đi theo hướng Bắc Kạn - Thái Nguyên, bị tổ tuần tra ra hiệu lệnh dừng xe và yêu cầu kiểm tra giấy tờ. Sau đó có một người đàn ông (xác nhận là ông Dương) mới đi xe máy đến, ông D không ăn đêm tại quán phở T, mà sau khi sự việc xảy ra, ông D mới vào quán phở Thảo sử gọi phở ăn.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án cũng đã tiến hành lấy lời khai của những người làm chứng theo yêu cầu của ông Trần Văn D là Bà Bùi Thị B chị Nguyễn Thị D và chị Trương Thị Loan A. Chị Nguyễn Thị D và chị Bùi Thị B trình bày không được trực tiếp chứng kiến sự việc xảy ra giữa Đội tuần tra và ông Trần Văn D nên không biết về sự việc trên. Chị Trương Thị Loan A trình bày chị cũng không được trực tiếp chứng kiến sự việc, sau khi anh D gọi điện cho chị bảo chị mang giấy tờ xe đến khu quán phở Thảo Sử ở thôn N, xã N để đội tuần tra kiểm tra chị mới mang đến và mới được chứng kiến sự việc từ thời điểm đó.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào những lời khai trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định vào tối ngày 26/2/2017 tại khu vực N, trong khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra theo kế hoạch, tổ tuần tra của Phòng cảnh sát cơ động công an tỉnh B đã phát hiện người phụ nữ không đội mũ bảo hiểm, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát BKS 20B1-498.35, khi kiểm tra không có theo giấy tờ xe, không có giấy phép lái xe và không xuất trình được quyền sở hữu đối với chiếc xe tô BKS 20B1-498.35 và cô gái không rõ danh tính đã tự ý bỏ đi, do vậy tổ tuần tra đã lập biên bản tạm giữ xe có sự chứng kiến của 02 người làm chứng và Trưởng phòng cảnh sát cơ động công an tỉnh B ra quyết định tạm giữ phương tiện vi phạm là có cơ sở, đúng pháp luật theo đúng quy định tại khoản 1, khoản 6 của Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Hết thời hạn tạm giữ phương tiện, ông Trần Văn D có đơn yêu cầu nhận lại chiếc xe mô tô BKS 20B1 – 498.35 tuy nhiên do chưa đủ cơ sở khẳng định chủ sở hữu và giấy mua bán xe ông D xuất trình không có công chứng chứng thực, cần có thời gian để xác minh làm rõ chủ sở hữu phương tiện, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B có công văn đề nghị công an tỉnh B và công an thành phố T xác minh, tìm kiếm xác định chiếc xe mô tô trên có phải là tang vật trong vụ án nào không, do đó cần có thời gian, phòng cảnh sát cơ động gia hạn thời hạn tạm giữ tang vật là phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính, yêu cầu của ông Trần Văn D là không có căn cứ xem xét.

Về yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính gây ra:

Hết thời hạn tạm giữ, Ngày 12/5/2017 Công an thành phố B xem xét đơn yêu cầu nhận lại tài sản và căn cứ vào kết quả xác minh không xác định được đối tượng điều khiển xe mô tô BKS 20B1-498.35 vi phạm giao thông, Công an thành phố B đã

tiến hành thông báo công khai nhưng chỉ có ông Trần Văn D có đơn xin nhận lại phương tiện, Công an thành phố B đã tiến hành trả lại tài sản cho ông Trần Văn D nhận lại tài sản và xác định tài sản không có hư hỏng gì.

Ông Trần Văn D yêu cầu bồi thường thiệt hại do việc tạm giữ phương tiện gây ra cụ thể là 300.000đ/ngày với thời hạn tạm giữ là 72 ngày tạm giữ, tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 21.600.000đ.

Hội đồng xét xử thấy: Như trên đã phân tích việc tạm giữ phương tiện của Phòng Cảnh sát cơ động công an tỉnh B là đúng quy định của pháp luật, do đó việc yêu cầu bồi thường về việc tạm giữ tang vật gây ra của ông Trần Văn D là không có căn cứ để xem xét.

Thực tế ngày 12/5/2017, sau khi trả phương tiện BKS 20B1-498.35 cho ông Trần Văn D công an thành phố B đã tiến hành lấy lời khai của anh Nguyễn Thế T là chủ cửa hàng xe máy Trung Đức khẳng định ngày 29/10/2016 được bán xe mô tô BKS 20B1-498.35 cho chị Hoàng Thị H trú tại N, thành phố B và có cung cấp giấy biên nhận có ghi tên khách hàng là chị Hoàng Thị H.

Qua kết luận giám định số: 13/KTHS -GDTL, ngày 03/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B có đủ cơ sở khẳng định: chị Hoàng Thị H là người trực tiếp mua xe 20B1-498.35 tại cơ sở Trung Đức vào ngày 29/10/2016.

Đến nay chiếc xe 20B1-498.35 đã trả cho ông Trần Văn D và ông Trần Văn D đã bán chiếc xe mô tô trên, vấn đề này đã được Công an tỉnh B nêu những thiếu sót tại kết luận về nội dung tố cáo số: 228/KL-CAT-PV24, ngày 23/01/2018.

- Về yêu cầu bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, thiệt hại về tài sản: Ông D yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm tính từ ngày bị bắt ngày 27/2/2017 đến ngày tuyên bản án ngày 14/6/2019 với cách tính: 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng)/ngày, với tổng số tiền: 836 ngày x 300.000 đ = 250.800.000 đ (hai trăm năm mươi triệu tám trăm nghìn đồng) và yêu cầu bồi thường đối với chiếc điện thoại samsung galaxy a7 với giá trị là 9.990.000,

Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Điều 7 của Luật tố tụng hành chính: Do yêu cầu tuyên bố hành vi bắt người của Phòng cảnh sát cơ động Công an tỉnh B trái pháp luật không thuộc phạm vi giải quyết của luật tố tụng hành chính do được xem xét theo thủ tục tố tụng hình sự và luật tố cáo, vì vậy phần bồi về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật gây ra không thuộc thẩm quyền giải quyết trong vụ án này. Nếu có đủ căn cứ xác định ông D có thể yêu cầu bồi thường trách nhiệm nhà nước theo quy định tại các Điều 8, Điều 10, Điều 41 và Điều 42 của Luật bồi thường Nhà nước.

Do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu bồi thường về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và bồi thường thiệt hại về tài sản do không thuộc thẩm quyền giải quyết trong vụ án hành chính.

Ông Trần Văn D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 7; Điều 30; Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm đ khoản 1 Điều 123; khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 165; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính;

2. Căn cứ khoản 3, khoản 6, khoản 8 điều 125 của Luật xử lý vi phạm hành chính và căn cứ vào khoản 4 điều 39 của Luật xử lý vi phạm hành chính; Căn cứ Điều 8, Điều 10, Điều 41 và Điều 42 của luật bồi thường Nhà nước;

Căn cứ Điều 32 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu tuyên bố hành vi bắt giữ người của Phòng cảnh sát cơ động Công an tỉnh B là trái pháp luật và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín, bồi thường thiệt hại đối với chiếc điện thoại samsung galaxy a7 do hành vi bắt giữ người gây ra của Ông Trần Văn D

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D về yêu cầu hủy quyết định số: 09/QĐ-TGTVPTCCCC, ngày 26/02/2017 và Quyết định số: 01/QĐ-GHTHTGTVPTCPCC, ngày 05/3/2017 của Trưởng phòng cảnh sát cơ động công an tỉnh B về việc tạm giữ đối với xe mô tô biển kiểm soát 20B1-498.35.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D về yêu cầu bồi thường thiệt hại do xe mô tô BKS 20B1-498.35 bị tạm giữ với số tiền: 21.600.000 đ (hai mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

4. Về án phí: Ông Trần Văn D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm với số tiền: 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 02508 – ngày 27/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- *Đương sự*
- *Tòa án cấp cao*
- *VKSND tỉnh B*
- *Cục THADS tỉnh B;*
- *Lưu Hsơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hữu Truyền